hinelearn

Tải về miễn phí

JLPT N2 · CHẶNG 1–2

Luyện đọc hiểu *N2*

読

Trước khi luyện · Đoạn ngắn (短文). 5 bài luyện theo đúng thứ tự khoá học, kèm mẹo làm bài, đáp án ở cuối tập.

5	20
bài luyện	câu

Mười tuần đếm ngược cùng Hine, năm thứ tư ở Tokyo, từ buổi đầu xem đề tới sáng ngày thi.

Lời giải từng câu, bản dịch và giọng đọc: **hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/**

TRƯỚC KHI LÀM

Luyện từng dạng, *rồi làm như thi thật*

1 **Luyện theo dạng**

Mỗi ngày một bài. Đọc mẹo của Hine trước, rồi làm. Dò đáp án ở cuối tập, ghi số câu đúng ở đầu bài.

2 **Xem lời giải trên web**

Mỗi câu sai có lời giải cho cả bốn lựa chọn, bản dịch, và câu chứa đáp án sáng lên trong bài đọc.

PHẦN	DẠNG	CÂU
① 文字・語彙 gợi ý 15 phút	Đọc chữ Hán	5
	Viết chữ Hán	5
	Ghép từ	5
	Chọn từ hợp câu	7
	Câu cùng nghĩa	5
	Cách dùng từ	5
② 文法 gợi ý 15 phút	Chọn mẫu ngữ pháp	12
	Câu ★	5
	Ngữ pháp đoạn văn	5
③ 読解 gợi ý 75 phút	Đoạn ngắn	5
	Bài vừa	9
	Đọc hai bài A, B	2
	Bài dài nêu chủ trương	3
	Tìm thông tin	2

PHIÊN ÂM

Như đề thật: 1003 chữ Hán N5, N4, N3 và N2 không có phiên âm, chữ ngoài N5, N4, N3, N2 có phiên âm nhỏ phía trên. Chữ khó có chú thích 注 dưới bài đọc.

CHIA 105 PHÚT CẢ TỜ ĐỀ

Chữ và từ vựng 15 phút, ngữ pháp 15 phút, giữ đủ 75 phút cho 21 câu đọc. Câu ★: ghép đủ câu trước, đếm ô sau.

Chặng 1 · Trước khi luyện ..... 1 bài

Chặng 2 · Đoạn ngắn (短文) ..... 4 bài

Đáp án ..... Cuối tập

CHẶNG 1

Trước khi luyện

Bài 1 Chia 105 phút — Chia 105 phút trước khi mở đề

BÀI 1 · ĐOẠN NGẮN

Chia 105 phút

6 câu · khoảng 9 phút

Đúng ___/6

Mẹo của Hine · Chia 105 phút trước khi mở đề

Hine sa lầy vì không có con số nào trong đầu: câu sắp câu khó thì cứ nghĩ tiếp. Có kế hoạch rồi, mỗi phần có một mốc giờ; quá mốc là đánh dấu, đi tiếp.

1. Gợi ý chia giờ: chữ và từ vựng ~15 phút · ngữ pháp ~15 · đoạn ngắn ~13 · bài vừa ~20 · cặp bài ~12 · bài dài ~15 · tìm thông tin ~10 · dò lại ~5 (cộng 105 phút).
2. Câu chữ và từ vựng làm nhanh: biết thì chọn ngay, không biết thì đoán rồi đi tiếp.
3. Nhiều người làm đọc trước khi mệt, rồi quay lại chữ và từ: chọn một thứ tự và giữ nguyên ở mọi đề thử.

問題 1 ĐỌC CHỮ HÁN

つぎの文の（　）や下線について、もっともよいものを一つえらびなさい。

1 この町は、人口が少しずつ減っている。

1 じんこう　2 にんこう　3 じんく　4 にんく

2 会議の資料は、前日までに（　）しておいてください。

1 予約　2 用意　3 約束　4 出席

3 雨が強く降っていた（　）、試合は予定どおり行われた。

1 からには　2 うえに
3 ばかりに　4 にもかかわらず

4 わたしが一番尊敬しているのは、＿＿＿ ＿＿＿ ★ ＿＿＿ 祖母だ。

1 している　2 毎朝　3 欠かさず　4 散歩を

Đoạn ngắn trong nửa đề Đoạn ngắn đầu tiên của phần đọc trong nửa đề thử.

締め切りがあると、人は急に集中できるようになる。時間がたっぷりあるときは、つい細かいところにこだわって、全体がなかなか進まない。ところが、残り時間が少なくなると、何を先にやり、何をあきらめるかを決めざるを得ない。

締め切りは人を苦しめるものだと思われがちだが、実は優先順位をつける力を育ててくれる　のではないだろうか。

5 筆者の考えに合うのはどれか。

1 締め切りがあると、何を先にするかを選ぶ力が身につく
2 締め切りは人を苦しめるので、なるべく作らないほうがいい
3 時間がたっぷりあるほうが、細かいところまでよい仕事ができる
4 残り時間が少なくなったら、すべてを　あきらめるべきだ

Tờ tìm thông tin trong nửa đề Tờ giờ mở cửa mùa thi của thư viện trường dán ở cửa ra vào.

さくら大学図書館　試験期間の開館時間

試験期間中は、開館時間を次のように変更します。

期間	平日	土曜日	日曜日・祝日
10月１日～10月21日	午前８時半～午後９時	午前10時～午後５時	休館
10月22日～11月２日	午前８時半～午後10時	午前９時～午後８時	午前10時～午後５時

入館には学生証が必要です。

6 10月27日（土曜日）に図書館を使う場合、何時まで中にいられるか。

1 午後５時　2 午後８時　3 午後９時　4 午後10時

CHẶNG 2

Đoạn ngắn (短文)

Bài 2	Email và thông báo công việc	ただし, なお và câu "hãy..."
Bài 3	Ý kiến ngắn của người viết	Câu nào là của người viết?
Bài 4	Đoạn giải thích, định nghĩa	Câu sau 〜とは, sau すなわち
Ôn 1	Ôn 1 · Năm đoạn ngắn	Năm mẹo đoạn ngắn

BÀI 2 · ĐOẠN NGẮN

Email và thông báo công việc

3 câu · khoảng 8 phút

Đúng ___/3

Mẹo của Hine · ただし, なお và câu "hãy..."

Email công việc N2 thường dài hơn một câu hỏi cần. Câu hỏi hay xoay quanh ba chỗ: ngoại lệ sau ただし, thông tin thêm sau なお, và câu bảo người đọc phải làm gì trước hạn nào.

1. Sau ただし là ngoại lệ, sau なお là thông tin thêm: hai chỗ này hay được hỏi.
2. Câu đuôi ～てください, ～ていただけますか, ～こと là việc người đọc phải làm; câu đuôi ～予定(よてい)です (dự định) chỉ là báo cho biết.
3. Gạch ngay ～までに (chậm nhất là...) và tên người cần liên lạc.

Email của phòng nhân sự công ty du lịch Email phòng nhân sự công ty du lịch gửi Hine sáng thứ Hai 1/10, sau vòng hai.

人 **人事部　森**

ヒネ様

二次面接の結果について

先日は二次面接にお越しいただき、ありがとうございました。面接の結果は、10月10日までにメールでお知らせする予定です。ただし、結果は通過者のみにお知らせします。10日を過ぎても連絡がない場合は、今回はご縁(えん)がなかったものとお考えください。

通過された方には最終面接の候補日を三つお送りしますので、ご都合のよい日を一つ選んでご返信ください。なお、交通費は当日お支払いします。

ご不明な点がございましたら、人事部の森までお問い合わせください。

1 このメールで最も伝えたいことは何か。

1 二次面接の結果は、通った人にだけ10日までに届く
2 10日までに、受けた人全員に結果がメールで届く
3 最終面接の日を、10日までに自分で決めて知らせる
4 最終面接の交通費は、あとで銀行に振り込まれる

Email của phòng việc làm Email phòng hỗ trợ việc làm của trường gửi sinh viên đã đăng ký buổi tư vấn hồ sơ.

さ さくら大学　就職支援室（しゅうしょくしえんしつ）

相談会に申し込んだ皆さん

【変更】応募書類相談会の時間について

10月４日（木）の応募書類相談会は、会場の都合により、開始時間を午後１時から午後３時に変更します。場所は変わらず、学生会館２階の会議室です。

当日は、応募先に出す予定の履歴書を印刷して、二部お持ちください。書きかけのものでも　かまいません。ただし、写真はまだ貼（は）らないでください。

新しい時間に来られない方は、10月３日までにこのメールに返信してください。

2 このメールを受け取った学生が、必ず　しなければ　ならないことは何か。

1 履歴書を完成させて、写真を貼（は）ってから持っていく
2 新しい時間に来られるかどうか、全員がメールで返信する
3 履歴書を二部印刷し、写真は貼（は）らずに持っていく
4 会場が変わったので、新しい会議室を確かめておく

Thông báo nội bộ ひまわり Thông báo cửa hàng trưởng dán ở phòng nhân viên ひまわり, đầu tháng Mười.

スタッフの皆さんへ　納品時間（のうひんじかん）の変更について

来週の月曜日から、朝の配送車が今より30分早く、午前６時半に到着します。朝のシフトの人は、商品の確認と棚への補充（ほじゅう）を、７時までに終わらせてください。そのため、月曜日から金曜日の朝のシフトは、開始を６時15分に早めます。土曜日と日曜日は、これまでどおりです。

時間が合わない人は、今週の金曜日までに店長に相談してください。なお、早く来た分の時給は、きちんと支払います。

店長

3 このお知らせの内容について、正しいものはどれか。

1 平日の朝のシフトは、来週から今より早く始まる
2 土曜日と日曜日も、配送車が早く来るようになる
3 時間が合わない人は、来週の月曜日に店長と話す
4 早く来る分は、時給が出ない

BÀI 3 · ĐOẠN NGẮN

Ý kiến ngắn của người viết

3 câu · khoảng 8 phút

Đúng ____/3

Mẹo của Hine · Câu nào là của người viết?

Đoạn ý kiến N2 thường đi ba bước: kể ý người khác (〜という　ひとも　おおい), nhận cái hay (その　きもちは　よく　わかる), rồi lật lại bằng しかし / だが và chốt ở câu cuối. Lựa chọn sai thường lấy đúng câu của bước một hoặc bước hai.

1. Câu đuôi 〜のではないだろうか (chẳng phải là... sao), 〜べきだ (nên), 〜と思う (tôi nghĩ) thường là ý chính.
2. Người viết hay kể ý người khác trước rồi mới nói ý mình: đừng chọn câu kể lại.
3. Lựa chọn nói quá mạnh (いつも luôn luôn, 必ず nhất định) thường sai.

Cột ý kiến trên báo Cột ý kiến trên báo ông Yamada khoanh lại, để ở quầy ひまわり.

地方の人口が減り続けている。仕事がないから若者が都会へ出ていき、若者がいないから新しい仕事も生まれない。この流れを止めるには、まず企業を呼ぶことが必要だと考える人も多い。

だが、今はインターネットさえあれば、どこにいても働ける仕事が増えている。若い人は新しいやり方に慣れているし、失敗してもやり直す時間がある。そう考えると、若者こそ、地方で働くべきではないだろうか。

1 筆者の考えに合うのはどれか。

1 地方を元気にするには、まず企業を呼ぶべきだ
2 若い人こそ、進んで地方で働くべきだ
3 インターネットがあれば、どんな仕事も地方でできる
4 地方には仕事がないので、若者が都会へ出るのは仕方がない

Đoạn ý kiến trên trang tìm việc Đoạn ý kiến của một người đi làm, đăng trên trang tìm việc cho sinh viên.

就職活動を始めると、だれもが知っている大企業ばかりに目が行きがちだ。名前が知られている会社なら安心だし、家族にも説明しやすい。その気持ちはよくわかる。

しかし、会社の名前は、毎日の仕事の中身までは教えてくれない。小さな会社でも、若いうちから大きな仕事を任せてもらえることがある。会社を選ぶときは、名前ではなく、そこで自分が何をしたいかを基準にするべきだ。

2 この文章で筆者が最も言いたいことは何か。

1 大企業は安心なので、家族にも説明しやすい

2 小さな会社のほうが、必ず大きな仕事を任せてもらえる

3 有名な会社を選ぶ人の気持ちは理解できない

4 会社は、そこでしたい仕事ができるかどうかで選ぶべきだ

Đoạn ý kiến của một giáo viên Đoạn ý kiến của một giáo viên trung học trên bản tin của hội phụ huynh.

教室で「本は紙で読むべきですか」とよく聞かれる。紙の本のほうが内容が頭に残りやすいと言う人もいるし、画面なら重い本を何冊(なんさつ)も持ち歩かなくて済む。どちらにもよさがある。

わたしが気になるのは、道具の違いより、一冊(いっさつ)を最後まで読み通す学生が減っていることだ。紙でも画面でもかまわない。大切なのは、長い文章に最後までつき合う習慣ではないだろうか。

3 筆者の考えに合うのはどれか。

1 内容を覚えるためには、紙の本で読むべきだ

2 画面で読めば本を持ち歩かなくていいので、便利だ

3 何で読むかより、長い文章を最後まで読む習慣が大切だ

4 学生は、紙と画面の両方で読むべきだ

BÀI 4 · ĐOẠN NGẮN

Đoạn giải thích, định nghĩa

3 câu · khoảng 8 phút

Đúng ____/3

Mẹo của Hine · Câu sau ～とは, sau すなわち

Câu hỏi dạng 「～」とはどういうことか bắt bạn diễn lại một cụm bằng lời khác. Đoạn giải thích thường đã diễn lại sẵn: ngay sau ～とは, ngay sau すなわち hoặc つまり. Tìm câu đó, rồi thay từng lựa chọn vào chỗ gạch chân và đọc lại cả câu.

1. Câu sau ～とは (... là) và câu sau すなわち (tức là) thường chính là câu trả lời.
2. Thay thử từng lựa chọn vào chỗ gạch chân: câu nào đọc lại vẫn đúng nghĩa cả đoạn thì chọn.

Đoạn giải thích フードロス Đoạn giải thích trong một cuốn sách mỏng về đời sống, Hine đọc ở quán cà phê.

フードロスとは、まだ食べられるのに捨てられる食品のことだ。店で売れ残ったパンや、家庭の冷蔵庫(れいぞうこ)で期限が切れてしまった野菜などがこれにあたる。見落とされがちなのは、その半分ほどが家庭から出ているという点である。つまり、フードロスは店や工場だけの問題ではない。

買い物の前に冷蔵庫(れいぞうこ)をのぞく、食べきれる量だけを作る。そうした小さな習慣が、フードロスを減らす第一歩になる。

1 「店や工場だけの問題ではない」とはどういうことか。

1 家庭で暮らす一人一人にも関係がある問題だということ
2 店や工場は、フードロスを出していないということ
3 店や工場より家庭のほうが、捨てる量がずっと多いということ
4 店や工場が、家庭に食べ方を教えるべきだということ

Đoạn giải thích ガクチカ Đoạn giải thích trên trang hướng dẫn xin việc, Sato đọc to ở quán cà phê.

就職活動でよく使われる「ガクチカ」とは、「学生時代に力を入れたこと」を短くした言葉だ。面接では、多くの会社がこれを聞く。大きな賞を取った話でなければならないと思う学生も多いが、会社が知りたいのは結果の大きさではない。

問題にぶつかったとき、どう考え、どう動いたか。すなわち、その人の仕事の進め方が見たいのである。アルバイトの話でも、十分ガクチカになる。

2 「仕事の進め方」とあるが、ここではどういうことか。

1 学生時代に、どれだけ大きな賞を取ったか

2 困ったことが起きたとき、どう考えて行動するか

3 アルバイトで、どんな仕事を担当していたか

4 会社に入ってから、どんな仕事をしたいか

Đoạn giải thích テレワーク Đoạn giải thích trong một bài báo về cách làm việc mới.

テレワークとは、会社に行かず、自宅などでインターネットを使って働くことをいう。通勤がなくなるため、一日に使える時間が増えると言われる。しかし、増えた時間をなんとなく過ごしてしまえば、通勤していたころと何も変わらない。すなわち、問題は量ではなく使い方だ。

テレワークを生かせるかどうかは、会社の制度よりも、自分で一日を組み立てる力にかかっている。

3 「生かせるかどうか」とあるが、どういうことか。

1 会社がテレワークを続けるかどうか

2 自宅で働くための道具をそろえられるかどうか

3 通勤の時間を、もっと短くできるかどうか

4 テレワークでできた時間を、役に立つように使えるかどうか

Ôn 1 · Năm đoạn ngắn

5 câu · khoảng 12 phút

Đúng ____/5

Mẹo của Hine · Năm mẹo đoạn ngắn

Sai đoạn nào thì xem lại đúng mẹo của dạng đó.

Email 1 Email phòng hành chính một công ty gửi toàn thể nhân viên.

総 総務部

社員の皆さん

健康診断の日程変更について

毎年11月に行っている健康診断は、今年は会場の都合により、12月３日から５日に変更になりました。各自(かくじ)、社内のシステムで希望(きぼう)の日と時間を選び、11月16日までに登録してください。ただし、出張などでこの三日間に受けられない人は、登録せずに総務部へ直接連絡してください。別の病院をご紹介します。なお、前日の夜９時以降は、食事をしないようお願いします。

1 出張で12月３日から５日まで会社にいない人は、どう　しなければならないか。

1 システムで、一番早い日を選んで登録する
2 出張から戻ってから、自分で病院を探す
3 システムには登録しないで、総務部に知らせる
4 締(し)め切りまでに、システムで別の病院を選ぶ

Email 2 Email một khách sạn gửi công ty du lịch, xác nhận đặt phòng cho đoàn.

ホ ホテルわかば　予約係

旅行会社ご担当者様

団体(だんたい)ご予約の確認

このたびは、団体(だんたい)でのご予約をいただき、ありがとうございます。11月10日から二泊、二十名様、和室５部屋で承りました。人数の変更は、ご到着の七日前まで無料(むりょう)で受け付けます。それ以降に人数が減った場合は、お一人様につき一泊分の料金をいただきます。なお、ご夕食の時間は、ご到着の前日までにお知らせください。

2 このメールの内容について、正しいものはどれか。

1 到着の一週間前までなら、人数を変えてもお金はかからない
2 人数が減った場合は、いつでも一泊分の料金がかかる
3 夕食の時間は、ホテルが決めて前日に知らせる
4 予約は、和室を二十部屋で受け付けた

Thông báo Thông báo của hội dân phố dán ở bảng tin các toà nhà.

防災訓練のお知らせ

11月11日（日）午前10時から、わかば公園で防災訓練を行います。消防署の方による消火器の使い方の説明や、非常食の配布があります。参加を希望する方は、11月２日までに、各マンションの掲示板にある用紙にお名前をお書きください。ただし、小学生以下のお子さんは、申し込みなしで参加できます。雨の場合は、わかば小学校の体育館で行います。

わかば町会

3 このお知らせの内容と合っているものはどれか。

1 訓練に参加する人は、全員用紙に名前を書く必要がある
2 小学生の子どもは、申し込まなくても参加できる
3 雨が降ったら、訓練は中止になる
4 非常食は、申し込んだ人だけが買える

Đoạn ý kiến Đoạn ý kiến của một giảng viên đại học trên báo trường.

「すぐに役に立つことを学びたい」という学生が増えている。資格や語学など、就職に有利なものから勉強したいという気持ちは自然なことだ。しかし、すぐに役に立つ知識は、すぐに古くなる。十年後に必要とされる仕事を、今正確に言い当てられる人はいないだろう。だからこそ大学では、答えがすぐに出ない問題を、時間をかけて考える経験をしておくべきだと思う。

4 筆者の考えに合うのはどれか。

1 就職に有利な資格から勉強するのは、自然なことだ
2 十年後に必要な仕事を予想して学ぶべきだ
3 大学では、すぐに答えの出ない問題をじっくり考えるべきだ
4 すぐに役に立つ知識は、学ぶ必要がない

Đoạn giải thích Đoạn giải thích trong một bài báo về du lịch và cách làm việc.

ワーケーションとは、「ワーク」と「バケーション」を合わせた言葉で、旅行先で休みを楽しみながら仕事もする働き方をいう。観光地にとっては、平日にも人が来てくれるという利点がある。ただ、実際に行ってみると、仕事のメールが気になって、海を見る余裕(よゆう)もなかったという声も聞く。場所を変えただけでは、休暇にならないのである。仕事をする時間と休む時間をはっきり分けることが、この働き方を成功させる鍵(かぎ)だろう。

5 「場所を変えただけでは、休暇にならない」とはどういうことか。

1 旅行先でも仕事のことばかり考えていたら、休んだことにならない
2 観光地に行くなら、仕事を持っていってはいけない
3 海の見える場所でなければ、休暇を楽しめない
4 平日に旅行しても、休暇とは呼べない

ĐÁP ÁN · CHẶNG 1–2

Lời giải từng câu và bản dịch: mở bài tương ứng ở hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/

Bài 1 Chia 105 phút hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/chia-105-phut/	1 **1**	2 **2**	3 **4**	4 **4**	5 **1**	6 **2**
Bài 2 Email và thông báo công việc hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/email-va-thong-bao-cong-viec/	1 **1**	2 **3**	3 **1**			
Bài 3 Ý kiến ngắn của người viết hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/y-kien-ngan-cua-nguoi-viet/	1 **2**	2 **4**	3 **3**			
Bài 4 Đoạn giải thích, định nghĩa hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/doan-giai-thich-dinh-nghia/	1 **1**	2 **2**	3 **4**			
Ôn 1 Ôn 1 · Năm đoạn ngắn hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/on-1-nam-doan-ngan/	1 **3**	2 **1**	3 **2**	4 **3**	5 **1**	

HỌC TIẾP TRÊN HINELEARN.COM

Dạng nào yếu, *ôn đúng bài đó*

Khoá **Luyện đọc hiểu N2** miễn phí, 28 bài, mỗi bài một dạng của đề. Chọn xong là thấy câu chứa đáp án trong bài sáng lên, mỗi lựa chọn sai có một dòng chỉ ra cái bẫy.

Đọc đoạn ngắn
Email, thông báo, đoạn ý kiến khoảng 200 chữ. Bẫy: ngoại lệ sau ただし, thông tin thêm sau なお, ý của người khác.

Đọc đoạn vừa
Bài văn, thư, nhật ký khoảng 500 chữ. Theo trình tự, tìm lý do.

Đọc hai bài A, B
Mỗi bài khoảng 300 chữ. Kẻ bảng hai cột, tìm ý chỉ có ở một bài.

Đọc đoạn dài
Bài luận khoảng 900 chữ, gần như không phiên âm. Câu chốt ở đoạn cuối, đừng chọn nhầm ý người khác.

Tìm thông tin
Tờ rơi, bảng giá, bảng giờ tàu. Chỉ tìm ô cần tìm, đọc dòng ※.

Chữ, từ vựng, ngữ pháp
Đếm từng nhịp, học từ theo cặp, câu ★ ghép trước đếm sau.

hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/

Đề do hinelearn tự soạn theo dạng đề JLPT N2, không phải đề thi thật. In, photo, chia sẻ cho bạn học thoải mái — xin giữ nguyên tên hinelearn.